

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIỄN CHÂU  
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 20 /2020/QĐST- HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Diễn Châu, ngày 03 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa;

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H , sinh năm 1993.

Địa chỉ: xóm 1, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Trần Văn H1 , sinh năm 1991.

Địa chỉ: xóm 1, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào điều 212 và 213 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Ngô Thị H , sinh năm 1993 và anh Trần Văn H1 , sinh năm 1991.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ tình cảm: Chị Ngô Thị H và anh Trần Văn H1 thỏa thuận ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất giao con chung Trần Nguyên M , sinh ngày 27/11/2016 cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh Trần Văn H1 Có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2 triệu đồng kể từ tháng 12 năm 2020 đến khi con 18 tuổi trưởng thành. Anh Trần Văn H1 có quyền nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ cá nhân, tập thể nào và cũng không ai nợ vợ chồng.

- Về án phí: Chị Ngô Thị H , anh Trần Văn H1 thỏa thuận chị Ngô Thị H chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp tại chi cục thi hành án Dân sự huyện C theo biên lai số 0004341 ngày 23 tháng 10 năm 2020. Trả lại cho chị Ngô Thị H số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Anh Trần Văn H1 phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự” (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục T.H.A C;
- UBND xã X, h C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Quang Trung**

